

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HÒA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày: 27/5/2021

V/v kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trung Kiên

2. Bà Chu Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa: Bà Đinh Phương Mai - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST- DS, ngày 03/12/2019, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXX-ST ngày 18/01/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1961

Địa chỉ: Khu 04, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ

- Bị đơn: Ông Trần Văn U, sinh năm 1960

Địa chỉ: Khu 04, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ

Địa chỉ: Khu 10, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thu H – Phó Chủ tịch UBND huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ

2. Bà Trần Thị V, sinh năm 1950

Địa chỉ: Khu 02, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ

3. Bà Trần Thị N, sinh năm 1955

Địa chỉ: Khu 04, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ

Bà T, đại diện UBND huyện Hạ Hòa, bà V, bà N xin xét xử vắng mặt. Ông U vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn là bà Vũ Thị T trình bày:

Ngày 23/10/1997, Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm việc ly hôn giữa bà và ông Trần Văn U. Về tài sản chung, bà và ông U có 3600m² đất của bố mẹ ông U cho vợ chồng bà khi mới lấy nhau. Tòa án xét xử giao cho ông U sở hữu toàn bộ thửa đất này, đồng thời buộc ông U thanh toán cho bà 2.500.000đ tiền chênh lệch tài sản. Bà không nhất trí với việc chia tài sản nên có đơn kháng cáo.

Ngày 10/12/1997, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm, giao cho bà và ông U mỗi người sở hữu 1/2 thửa đất diện tích 3600m² (mỗi người được sử dụng 1800m²), có sơ đồ, chiều dài các cạnh và vị trí tứ cận cụ thể. Đến ngày 21/02/1998, cơ quan Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa đã giao đất cho bà và ông U theo bản án phúc thẩm.

Ngày 15/5/2000, bà và ông U đã được UBND huyện Hạ Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo bản án phúc thẩm. Phần đất của bà là thửa đất số 242A, phần đất của ông U là thửa đất số 242B, đều thuộc tờ bản đồ số 12A và đều có diện tích 1800m². Sau khi được giao đất, bà sử dụng trồng cây và thu hoạch hàng năm, còn làm nhà đi ở chỗ khác.

Sau khi ly hôn, ông U đi làm ăn, đến năm 2010 ông U về nhà đã chặt phá toàn bộ cây cối mà bà đã trồng, vì ông U cho rằng bản án sơ thẩm đã giao cho ông sở hữu toàn bộ 3600m² đất, không giao đất cho bà. Việc ông U chặt phá cây, bà đã làm đơn khởi kiện. Ngày 31/8/2011, Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa đã xét xử buộc ông U phải bồi thường cho bà số tiền 3.793.500đ. Tuy nhiên, số tiền này đến nay ông U chưa thi hành.

Đến năm 2018, ông U đã thuê máy ủi san thửa đất của bà, xây một điện thờ trên thửa đất này và chiếm giữ toàn bộ thửa đất không trả cho bà. Đến nay bà đề nghị ông U tháo dỡ điện thờ và trả lại thửa đất này.

- Bị đơn là ông Trần Văn U xác định, ông và bà T không đăng ký kết hôn với nhau. Khi xét xử ly hôn giữa bà T và ông vào năm 1997, về tài sản chung, Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa đã giao toàn bộ thửa đất diện tích 3600m² của bố mẹ ông cho ông mà không giao cho bà T. Ông không công nhận bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Do vậy đến nay bà T khởi kiện đòi lại đất, ông không nhất trí.

- Đại diện UBND huyện Hạ Hòa xác định, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Vũ Thị T đối với thửa đất số 242A, tờ bản đồ số 12A, diện tích 1800m² (gồm 300m² đất ở và 1500m² đất vườn) tại khu 07 xã Y (nay là khu 04 xã Y) là căn cứ vào bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 53, ngày 10/12/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T đúng quy định của pháp luật.

- Bà Trần Thị V và Trần Thị N là các chị gái của ông Trần Văn U xác định, phần đất mà bà T đòi lại của ông U là của bố mẹ các bà chứ không phải là của bà T. Đến nay các bà đề nghị Tòa án xem xét thu hồi sổ đỏ của bà T để trả lại đất cho ông U.

- Ông Trần Văn M là anh trai của ông Trần Văn U xác định, phần đất mà bà T đòi lại của ông U là đất của bố mẹ ông đã chia cho vợ chồng ông U, bà T khi hai người lấy nhau (các anh chị em ông trước đó đi xây dựng gia đình đều đã được bố mẹ chia đất cho ra ở riêng). Phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận cho bà T và

ông U, nên đây là việc tranh chấp riêng giữa bà T và ông U, không liên quan gì đến các anh chị em trong gia đình nhà ông, nên ông M từ chối tham gia tố tụng.

- Các con của bà T, gồm chị Trần Thị Thu T, Trần Thị Mai T, Trần Thị H ủy quyền toàn bộ cho bà T giải quyết vụ việc và đồng thời cũng xác định, thửa đất bà T tranh chấp với ông U là tài sản riêng của bà T, các chị không có quyền lợi liên quan gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa phát biểu: Việc Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa thụ lý giải quyết vụ án về quan hệ “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là không đúng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp “Kiện đòi tài sản” là đúng quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc ông Trần Văn U phải trả lại cho bà Vũ Thị T thửa đất số 242A, tờ bản đồ số 12A, diện tích 1800m² (gồm 300m² đất ở và 1500m² đất vườn) tại khu 04 xã Y, có số đo các cạnh như sau: cạnh AB = 78m, cạnh BC = 52m, cạnh CD = 25m, cạnh DE = 32m, cạnh EA = 26m (theo trích lục bản đồ ngày 24/12/2019) và tháo dỡ 01 điện thờ lợp Proximang, diện tích 7,5m² trên thửa đất này.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Do bà T không đề nghị nên không phải giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên bà T không phải nộp án phí. Ông U phải nộp toàn bộ án phí. Tuy nhiên ông U vừa là người cao tuổi, vừa là hộ nghèo nên miễn toàn bộ cho ông U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn là bà Vũ Thị T cư trú tại khu 04, xã Y, huyện Hạ Hòa khởi kiện đòi tài sản đối bị đơn là ông Trần Văn U cư trú cùng địa chỉ. Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

- Về tư cách người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là bà Vũ Thị T, bị đơn là ông Trần Văn U. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm UBND huyện Hạ Hòa, bà Trần Thị V, bà Trần Thị N. Ông Trần Văn M là anh trai ông U và các con của ông U và bà T đều xác định không liên quan gì việc tranh chấp giữa bà T và ông U, họ đều từ chối tham gia tố tụng, nên không đưa vào tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Văn U đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt. Bà T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ tranh chấp:

Ngày 10/12/1997, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm vụ án ly hôn sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa giữa bà Vũ Thị T và ông Trần Văn U, do bà T có đơn kháng cáo. Về phần tài sản, bản án phúc thẩm quyết định, giao cho bà T và ông U mỗi người sở hữu 1/2 thửa đất diện tích 3600m², có sơ đồ, chiều dài các cạnh và vị trí tứ cận cụ thể. Sau khi xét xử phúc thẩm, các bên không có ý kiến gì.

Ngày 21/02/1998, cơ quan Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa đã ra quyết định thi hành án, tiến hành giao đất cho bà T và ông U theo bản án phúc thẩm.

Ngày 15/5/2000, bà T và ông U đều được UBND huyện Hạ Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất theo bản án phúc thẩm. Phần đất của bà T là thửa đất số 242A, phần đất của ông U là thửa đất số 242B, đều thuộc tờ bản đồ số 12A và đều có diện tích 1800m².

Tuy khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là theo đơn khởi kiện của bà T. Nhưng quá trình giải quyết và tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định, về bản chất vụ án, do ông U đang chiếm giữ trái phép toàn bộ thửa đất của bà T, nên bà T yêu cầu ông U phải trả lại thửa đất này. Do vậy đây là tranh chấp kiện đòi lại tài sản (tài sản là quyền sử dụng đất).

[2.2]. Về đối tượng khởi kiện:

Quá trình giải quyết, Tòa án chỉ tiến hành định giá được tài sản, cụ thể: 1800m² đất của bà T trị giá 510.000.000đ (Năm trăm mười triệu đồng), 01 điện thờ xây của ông U trị giá 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Còn việc đo đạc đất tại các lần xem xét thẩm định tại chỗ, ông U đều có hành vi cản trở không cho làm việc. Do vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần đất bà T khởi kiện. Quá trình làm việc xác định, thửa đất của bà Vũ Thị T được UBND huyện Hạ Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/5/2000, là thửa đất số 242A, tờ bản đồ số 12A, diện tích 1800m² (gồm 300m² đất ở và 1500m² đất vườn) tại khu 07 xã Y (nay là khu 04 xã Y), có số đo các cạnh theo bản đồ 299 là: cạnh AB = 78m, cạnh BC = 52m, cạnh CD = 25m, cạnh DE = 32m, cạnh EA = 26m. Vị trí, diện tích, hình thể thửa đất của bà T từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay không có thay đổi gì (bà T không cho tặng hoặc chuyển nhượng cho ai) mà vẫn đúng như với bản đồ khi được cấp. Thửa đất này chỉ có khác một phần về hiện trạng, vì năm 2018 ông U đã thuê máy ủi san gạt vào một phần đất và xây một điện thờ, lợp Proximang, diện tích 7,5m² trên phần đất này. Ngoài ra trên đất không có cây cối, tài sản gì khác.

[2.3]. Về yêu cầu khởi kiện:

Ngày 10/12/1997, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm, giao cho bà T và ông U mỗi người sở hữu một phần đất có diện tích 1800m². Đến ngày 15/5/2000, bà T và ông U đều được UBND huyện Hạ Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1800m² theo bản án phúc thẩm. Như vậy khi bà T và ông U được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì bà T và ông U là hai chủ thể độc lập, đều có quyền và nghĩa vụ riêng, không liên quan gì đến nhau. Do vậy đến nay ông U chiếm giữ trái phép tài sản (quyền sử dụng đất) của bà T, thì bà T có quyền khởi kiện đòi lại.

Việc ông U chỉ công nhận bản án sơ thẩm mà không công nhận bản án phúc thẩm, vì ông cho rằng ông không biết việc bà T kháng cáo và Tòa phúc thẩm xét xử, mà chỉ thi hành bản án sơ thẩm là không có căn cứ. Vì ngày 30/9/2019 và ngày 27/10/2020, Tòa án nhân dân cấp cao và Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đều có văn bản trả lời ông U với nội dung, sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, không có căn cứ đề nghị tái thẩm, vì xác định ông U có tham gia phiên tòa phúc thẩm và được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Các yêu cầu của bà Trần Thị V và Trần Thị N cũng không có cơ sở xem xét giải quyết.

[3]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà T nộp tạm ứng số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng). Tuy nhiên đến nay bà T xin tự chịu toàn bộ, không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên bà T không phải nộp án phí. Ông U phải nộp án phí theo quy định. Tuy nhiên ông U vừa là người cao tuổi, vừa là hộ nghèo nên miễn toàn bộ cho ông U.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 8, các Điều 105, 158, 159, 160, 161, 163, 164, 166, 169, 170 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 2, khoản 1 Điều 3, Điều 6, Điều 19, Điều 20, Điều 73, Điều 79 của Luật đất đai 1993;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T.

2. Buộc ông Trần Văn U phải trả lại cho bà Vũ Thị T thửa đất số 242A, tờ bản đồ số 12A, diện tích 1800m² (gồm 300m² đất ở và 1500m² đất vườn) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 315431, của UBND huyện Hạ Hòa cấp ngày 15/5/2000 mang tên Vũ Thị T, tại khu 04 xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ, có số đo các cạnh như sau: cạnh AB = 78m, cạnh BC = 52m, cạnh CD = 25m, cạnh DE = 32m, cạnh EA = 26m (theo trích lục bản đồ ngày 24/12/2019) và tháo dỡ 01 diện thờ lợp Proximãng, diện tích 7,5m² trên thửa đất này.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Không phải giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn U.

- Trả lại cho bà Vũ Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số AA/2017/0002123, ngày 02/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Lê Vũ Thường